|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NQ-HĐND  **DỰ THẢO** | *Sơn La, ngày tháng năm 2023* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc**

**tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2023-2025**

**trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHOÁ ..., KỲ HỌP THỨ .....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 ngày 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số ..../TTr-UBND ngày ....tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hĩện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La khoá X, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng .... năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ..... tháng .... năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Chính phủ; - Ban công tác đại biểu UBTVQH; - VP Quốc hội; VP Chính phủ; - Các Bộ: NN&PTNT, TC, TP; - Kiểm toán Nhà nước; - Thường trực Thành ủy; - Thường trực HĐND; - UBND, UBMTTQ tỉnh; - Đoàn ĐBQH tỉnh; - Đại biểu HĐND tỉnh; - Các Ban Đảng TU, các Ban HĐND tỉnh; - Văn phòng:HĐND, UBND tỉnh; - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; - TT HĐND, UBND huyện, thành phố; - TT Công báo tỉnh; Cổng TTĐTtỉnh; - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Quy định chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại**

**các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2023-2025**

**trên địa bàn tỉnh Sơn La**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)*

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức *(doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác)* có quy mô chăn nuôi từ 05 đơn vị vật nuôi trở lên thực hiện đầu tư chăn nuôi trâu, bò trên địa bàn xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ chăn nuôi có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

**Điều 3.** **Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển sản xuất nông nghiệp được cụ thể hóa bằng kế hoạch hàng năm và kế hoạch 5 năm của tỉnh, huyện, thành phố.

2. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư các nội dung chính sách.

3. Trong cùng một nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách khác nhau thì đối tượng hỗ trợ được lựa chọn hưởng một chính sách có mức hỗ trợ lợi nhất.

**Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đại gia súc: là trâu, bò ngựa được các tổ chức, cá nhân chăn nuôi.

2. Trâu, bò được hiểu bao gồm bê, nghé và trâu, bò trưởng thành.

3. Trâu, bò cái nền đạt chuẩn là trâu, bò cái sinh sản đạt đầy đủ các tiêu chuẩn về giống theo quy định, được sử dụng để sản xuất con giống.

4. Dẫn tinh viên là người làm dịch vụ thụ tinh nhân tạo giống vật nuôi đã qua đào tạo, tập huấn và được cấp chứng chỉ theo quy định.

**CHƯƠNG II**

**ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ**

**Điều 5.** **Hỗ trợ phối giống nhân tạo trâu, bò**

1. Đối tượng hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư chăn nuôi trâu, bò; Dẫn tinh viên thực hiện công tác phối giống trên địa bàn xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn.

2. Điều kiện hỗ trợ

- Phối giống cho trâu cái trên 24 tháng tuổi trở lên và bò cái trên 18 tháng, trở lên, chuồng trại chăn nuôi có cơ sở vật chất, đáp ứng các yêu cầu để trâu, bò sinh sản thực hiện việc phối giống nhân tạo.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

- Các tổ chức, cá nhân thực hiện chăn nuôi trâu, bò cái nền đạt tiêu chuẩn được hỗ trợ 100% kinh phí vật tư phối giống nhân tạo *(tinh đông lạnh và nitơ lỏng, găng tay, dẫn tinh quản)*. Mức hỗ trợ không quá 02 *(hai)* liều tinh/ trâu, bò/năm; không quá 02 *(hai)* lít Nitơ lỏng/trâu, bò có chửa; 02 *(hai)* găng tay và 02 *(hai)* dẫn tinh quản/lần phối giống có chửa.

- Hỗ trợ công phối giống cho dẫn tinh viên với định mức 250.000 *(hai trăm năm mươi nghìn đồng)* đồng/trâu, bò cái nền có chửa.

**Điều 6.** **Hỗ trợ đào tạo dẫn tinh viên**

1. Đối tượng hỗ trợ

Công dân Việt Nam đang trong độ tuổi lao động theo quy định tại Bộ luật Lao động, đã hoàn thành chương trình trung học cơ sở trở lên.

2. Điều kiện hỗ trợ: Có bằng trung cấp thú y, chăn nuôi thú y trở lên có nhu cầu làm công tác phối giống nhân tạo trâu, bò, có cam kết thực hiện công tác phối giống nhân tạo trên địa bàn xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn sau khi được đào tạo.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

Được hỗ trợ đào tạo dẫn tinh viên với định mức 10.000.000 đồng/01 dẫn tinh viên.

**Điều 7.** **Hỗ trợ trồng cỏ**

1. Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư trồng cỏ chăn nuôi trâu, bò

2. Điều kiện hỗ trợ: Các đối tượng hỗ trợ chuyển đổi đất trồng cây ngắn ngày, vườn tạp không hiệu quả sang trồng cỏ và cây thức ăn phù hợp với điều kiện của từng địa phương làm thức ăn chăn nuôi được hỗ trợ tiền mua cỏ giống khi diện tích trồng cỏ tập trung đạt tối thiểu là 0,02 ha (200m2) trở lên.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Được hỗ trợ 12 triệu đồng/1ha để mua cỏ giống trồng năm đầu.

**Điều 8.** **Hỗ trợ xây dựng vùng an toàn dịch bệnh (ATDB)**

1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức (UBND cấp xã) thực hiện xây dựng vùng an toàn dịch đối với chăn nuôi trâu, bò.

2. Điều kiện để được hỗ trợ: Thực hiện các biện pháp phòng bệnh động vật đáp ứng các quy định tương ứng của pháp luật về thú y, chăn nuôi và hướng dẫn chuyên môn của Cơ quan thú y; Có kế hoạch và tổ chức thực hiện giám sát dịch bệnh động vật theo quy định pháp luật; Không xảy ra dịch bệnh động vật đăng ký công nhận an toàn trong ít nhất 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Được hỗ trợ giám sát, đánh giá và cấp giấy chứng nhận vùng ATDB. Hỗ trợ chi phí lấy mẫu giám sát định kỳ (lẫy mẫu ít nhất 2 lần/năm trước khi đăng ký xây dựng cơ sở ATDB; hỗ trợ phí thẩm định vùng ATDB; hỗ trợ chi phí lấy mẫu, xét nghiệm mẫu để duy trì điều kiện vùng ATDB 1 lần/năm) để tổ chức đánh giá, xét nghiệm mẫu; mức hỗ trợ xây dựng 01 xã ATDB 117,5 triệu đồng (phí thẩm định vùng ATDB: 3,5 triệu đồng, xét nghiệm mẫu 114 triệu đồng.

**Điều 9.** **Hỗ trợ công tác triển khai thực hiện**

1. Đối tượng hỗ trợ: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ chăn nuôi có trâu, bò đực không đủ tiêu chuẩn giống; nhân viên thú y, khuyến nông cơ quan chuyên môn được giao thực hiện chính sách trên địa bàn xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn.

2. Điều kiện hỗ trợ: Triển khai công tác phối giống nhân tạo, thực hiện công tác hướng dẫn kỹ thuật, lập hồ sơ, theo dõi, nghiệm thu diện tích cỏ đảm bảo yêu cầu; Thiến bò đực cóc trên 6 tháng tuổi; nghiệm thu các nội dung hỗ trợ và lập hồ sơ đúng thời gian đảm bảo yêu cầu thanh quyết toán.

3. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 01 (một) lần đến 100% giá trị bình chứa Nitơ lỏng cho dẫn tinh viên. Mức hỗ trợ không quá 05 *(năm)* triệu đồng/bình/dẫn tinh viên.

- Hỗ trợ 02 bình đựng ni tơ 35lít, 06 súng bắn tinh/huyện.

- Hỗ trợ công tác hướng dẫn trồng cỏ *(hướng dẫn kỹ thuật, lập hồ sơ, theo dõi, nghiệm thu)*, mức hỗ trợ 300.000 đồng/01 ha.

- Hỗ trợ thiến bò đực cóc, mức hỗ trợ 200.000 đồng/01 con.

- Hỗ trợ công tác nghiệm thu, lập hồ sơ về chuồng trại, phối giống nhân tạo, lựa chọn bò cái nền để phối giống, mức hỗ trợ theo quy định về chế độ công tác phí.

**CHƯƠNG III**

**HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN, NGHIỆM THU, THANH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ**

**MỤC 1. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN**

**Điều 10. Hỗ trợ phối giống nhân tạo trâu, bò**

1. Hồ sơ đối với hỗ trợ tinh trâu, tinh bò, vật tư phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo

a) Quyết định của UBND huyện phê duyệt nội dung, địa điểm và dự toán kinh phí cho tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc;

b) Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng phối giống cho trâu cái, bò cái có chửa giữa tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc và dẫn tinh viên;

c) Giấy đề nghị thanh toán tiền công phối giống, kiểm tra trâu, bò có chửa của cán bộ dẫn tinh viên;

d) Phiếu xuất, nhập kho vật tư, liều tinh. vật tư phối giống nhập về kho phải có phiếu nhập kho và phiếu xuất kho của tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc;

đ) Bảng kê danh sách các hộ có trâu, bò phối giống có chửa do dẫn tinh viên xác lập, ký nhận của chủ hộ có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã *(mẫu 1a Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này)*;

e) Biên bản nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo gia súc đã được thực hiện có xác nhận của UBND xã, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc UBND cấp huyện;

2. Trình tự thực hiện

a) Các hộ gia đình, cá nhân đăng ký kế hoạch phối giống trâu, bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo *(qua thú y viên, khuyến nông viên*) gửi UBND cấp xã *(mẫu số 1b phụ lục I)*;

b) Các dẫn tinh viên hoàn thành hồ sơ theo điểm c, đ, e khoản 1; Điều này gửi tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc;

c) UBND xã phối hợp hoàn thành hồ sơ theo điểm đ, e khoản 1 Điều này gửi UBND cấp huyện;

d) Cơ quan chuyên môn phụ trách công tác chăn nuôi thú y cấp huyện tổng hợp hoàn thiện hồ sơ theo điểm a, b, d, đ, e khoản 1; Điều này gửi UBND huyện thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thẩm định. Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ; trường hợp không đạt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 11. Hỗ trợ đào tạo dẫn tinh viên**

1. Thành phần hồ sơ

Đối với trường hợp đăng ký hỗ trợ kinh phí học tập về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc, hồ sơ gồm: Đơn đăng ký của cá nhân có nhu cầu hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc theo *(Mẫu số 02 Phụ lục I)*; giấy chứng nhận/chứng chỉ hoàn thành khóa học do cơ sở đào tạo cấp; hóa đơn, chứng từ thu lệ phí đối với khóa đào tạo, tập huấn do cơ sở đào tạo cấp;

2. Trình tự, thủ tục

Cá nhân có nhu cầu đăng ký hỗ trợ kinh phí học tập về kỹ thuật phối giống nhân tạo trâu, bò, nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện trước ngày 25 của tháng cuối hằng quý.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Phòng Nông nghiệp và PTNT tiến hành thẩm định. Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ; trường hợp không đạt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 12.** **Hỗ trợ trồng cỏ**

1. Hồ sơ

a) Quyết định phân bổ chỉ tiêu kế hoạch của UBND cấp huyện cho các xã, thị trấn có đối tượng thụ hưởng chính sách;

b) Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn mua hàng đối với trường hợp UBND cấp xã mua giống cỏ; giấy mua bán giống cỏ đối với trường hợp luân chuyển nội bộ giữa các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

c) Danh sách đăng ký, cấp phát giống cỏ, danh sách kiểm tra kết quả trồng cỏ *(mẫu 3a, 3b, 3c, 3d Phụ lục I)* Hồ sơ nghiệm thu cơ sở;

2. Trình tự thực hiện

a) Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đăng ký trồng cỏ (theo mẫu 3a); Bản tổng hợp gửi về UBND cấp xã;

b) UBND cấp xã hoàn thành hồ sơ theo điểm b, c khoản 1 Điều này gửi UBND cấp huyện;

c) UBND cấp huyện hoàn thành hồ sơ theo điểm a, c khoản 1 Điều này; thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí.

**Điều 13.** **Hỗ trợ xây dựng vùng an toàn dịch bệnh (ATDB)**

1. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị xây dựng vùng ATDB.

b) Giấy chứng nhận vùng ATDB động vật kèm quyết định công nhận do cơ quan thú y cấp tỉnh cấp.

c) Thông báo giá của cơ quan có thẩm quyền, hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn mua hàng (xét nghiệm mẫu), với đơn vị cung ứng (Chi cục Thú y vùng I hoặc Trung tâm Chẩn đoán thú y Trung ương), biên lai thu phí thẩm định vùng an toàn dịch bệnh.

2. Trình tự thực hiện

a) UBND xã hoàn thành hồ sơ theo điểm a, b, c khoản 1 Điều này gửi UBND huyện;

b) UBND huyện thẩm định hồ sơ; thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Phòng Nông nghiệp và PTNT tiến hành thẩm định. Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ; trường hợp không đạt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 14. Hỗ trợ công tác triển khai thực hiện**

1. Hồ sơ

a) Hỗ trợ bình chứa nitơ lỏng cho dẫn tinh viên. Mức hỗ trợ không quá 05 *(năm)* triệu đồng/bình/dẫn tinh viên, bình đựng ni tơ 35lít, 06 súng bắn tinh/huyện.

- Thông báo giá của cấp có thẩm quyền hoặc chứng thư thẩm định giá của các cơ quan chức năng;

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn mua bán vật tư, thiết bị; giữa chủ hộ với đơn vị cung ứng;

b) Hỗ trợ công tác hướng dẫn trồng cỏ

- Hợp đồng thuê cán bộ chỉ đạo và hướng dẫn trồng cỏ giữa đơn vị được giao triển khai thực hiện chính sách với khuyến nông viên xã có xác nhận của UBND xã;

- Báo cáo kết quả chỉ đạo và hướng dẫn trồng cỏ của cán bộ chỉ đạo có xác nhận của UBND xã;

- Thanh lý hợp đồng thuê cán bộ chỉ đạo và hướng dẫn trồng cỏ;

- Đề nghị thanh toán thuê cán bộ chỉ đạo và hướng dẫn trồng cỏ;

c) Hỗ trợ thiến trâu, bò đực cóc.

- Đơn đề nghị thiến trâu, bò đực cóc để tiếp tục nuôi giết thịt *(mẫu 2 phụ lục I);*

- Hợp đồng thiến trâu bò đực giữa đơn vị được giao triển khai thực hiện chính sách với cá nhân hoặc nhóm cán bộ thiến trâu, bò đực;

- Danh sách thiến trâu, bò đực không đủ tiêu chuẩn để giống có xác nhận của hộ chăn nuôi được trâu bò được thiến, trưởng bản, UBND xã *(mẫu số 4, phụ lục 1);*

- Thanh lý hợp đồng thiến trâu bò đực giữa đơn vị được giao triển khai thực hiện chính sách với cá nhân hoặc nhóm cán bộ thiến trâu, bò đực;

- Đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ công thiến và hỗ trợ chủ nuôi trâu bò đực thiến.

d) Hỗ trợ công tác nghiệm thu các nội dung thực hiện chính sách

- Giấy đi đường kèm theo phiếu giao việc của lãnh đạo đơn vị được giao trách nhiệm thực hiện chính sách, thành phố;

- Báo cáo kết quả kiểm tra hoặc biên bản kiểm tra, biên bản nghiệm thu có xác nhận của địa phương vào báo cáo kết quả hoặc biên bản kiểm tra;

- Đề nghị thanh toán tiền chi phí kiểm tra cho từng cá nhân.

2. Trình tự thực hiện

a) Các cá nhân và hộ chăn nuôi hoàn thành hồ sơ theo điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này gửi đơn vị được giao trách nhiệm thực hiện chính sách;

b) Đơn vị được giao trách nhiệm thực hiện chính sách hoàn thành các hồ sơ theo điểm a, c, d khoản 1 Điều này; thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí.

**MỤC 2. LẬP DỰ TOÁN, NGHIỆM THU, THANH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ**

**Điều 15. Lập kế hoạch thực hiện chính sách**

1. Hàng năm UBND cấp huyện, các đơn vị được giao trách nhiệm thực hiện chính sách xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ năm sau gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 8.

2. Trên cơ sở dự toán của UBND cấp huyện, các đơn vị được giao trách nhiệm thực hiện chính sách lập, Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, tổng hợp và xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán kinh phí thực hiện cho các huyện trong phương án dự toán ngân sách hàng năm.

**Điều 16.** **Nghiệm thu cơ sở**

1. UBND cấp xã tổ chức nghiệm thu cơ sở với đối với cấp bản, Hợp tác xã.

2. Phòng Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm DVNN *(Cơ quan chuyên môn phụ trách công tác chăn nuôi thú y cấp huyện)*, UBND xã nghiệm thu chung kết quả của xã.

3. Phương pháp nghiệm thu: Nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách đối với từng hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ, cộng đồng dân cư ở từng bản để tổng hợp thành kết quả chung toàn xã.

3. Hồ sơ nghiệm thu cơ sở

a) Biên bản nghiệm thu cơ sở theo mẫu số 01a, Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này;

b) Bảng kê danh sách các đối tượng được thụ hưởng (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân) theo mẫu số 01b Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này;

c) Biên bản nghiệm thu toàn xã theo mẫu số 02a, Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này;

d) Bảng tổng hợp nghiệm thu cơ sở toàn xã, đơn vị theo mẫu số 02b Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

4. Thời gian hoàn thành nghiệm thu cơ sở, nghiệm thu chung: 30 ngày sau khi hoàn thành khối lượng thực hiện.

**CHƯƠNG IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 17. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách**

1. Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Quy định này.

2. Hàng năm, ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra cho các Sở, ngành cấp tỉnh, đơn vị có liên quan, UBND cấp huyện trong công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, phúc tra việc thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn.

**Điều 18. Trách nhiệm thực hiện các chính sách**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện chính sách, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH** |